

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng gần 10 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,667.26 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Tài nguyên cơ bản dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Thực phẩm và đồ uống. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX, UPCOM. Xu hướng giằng co vẫn chưa kết thúc. Thị trường cần một cây nến chỉ hướng và thanh khoản ủng hộ để xác nhận xu hướng tăng mới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1FA000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 12/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+9.51** điểm, đóng cửa tại **1667.26** điểm. HNX-Index **+2.33** điểm, đóng cửa tại **276.51** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.63)**, **HPG (+1.55)**, **MSN (+1.47)**, **VNM (+1.00)**, **GVR (+0.57)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-1.17)**, **VHM (-0.38)**, **SSB (-0.29)**, **SSI (-0.26)**, **CTG (-0.25)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **30,390** tỷ đồng, giảm **-12.67%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 34,241 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 21.59 điểm. Thị trường có **252** mã tăng, 40 mã tham chiếu, **84** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1159.41** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-197.92 tỷ)**, **SSI (-179.49 tỷ)**, **FPT (-171.97 tỷ)**, **VIX (-127.16 tỷ)**, **MSB (-125.85 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-39.94** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.65%**. Các mã diễn biến tích cực:
MSN (+4.88%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVS (+3.51%) [\(Link báo cáo\)](#)
VNM (+3.27%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.42%**. Các mã diễn biến tích cực:
VCG (+4.66%)
PVD (+4.60%) [\(Link báo cáo\)](#)
TNG (+4.50%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.65%	1.42%	0.57%	0.56%
1 tuần	-0.94%	-2.39%	0.02%	1.08%
1 tháng	0.47%	-1.93%	3.45%	6.37%
3 tháng	22.07%	25.81%	26.74%	33.13%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,667.26	276.51	110.09
% 1D	0.57%	0.85%	-0.01%
GTKL (tỷ VND)	30,390	2,174	613
%1D	-12.67%	-22.30%	-23.02%
GDNN (tỷ VND)	-1159.41	-39.94	-10.82

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GEX	178.78	HPG	-197.92
VNM	158.95	SSI	-179.49
MSN	129.41	FPT	-171.97
TCB	115.29	VIX	-127.16
PVD	42.34	MSB	-125.85

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,587	0.85%	1.31%
FTSE100	9,322	0.26%	1.23%
Eurostoxx	5,367	-0.30%	0.97%
Shanghai	3,871	-0.12%	1.52%
Nikkei	44,768	0.89%	4.10%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

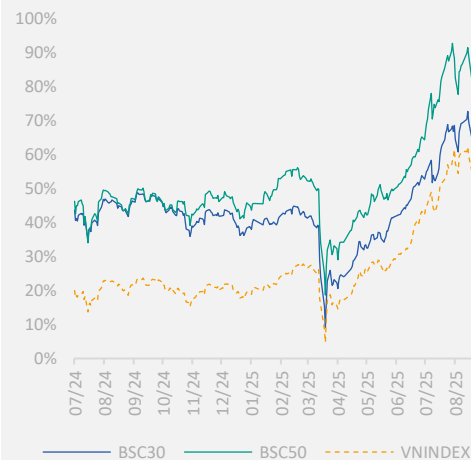
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.68	-5.45%
Giá vàng	3,644	-0.80%

Tỷ giá		
USD/VND	26,476	-0.02%
EUR/VND	31,765	0.32%
JPY/VND	184	0.55%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	0.01%
LS LNH 1M	5.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

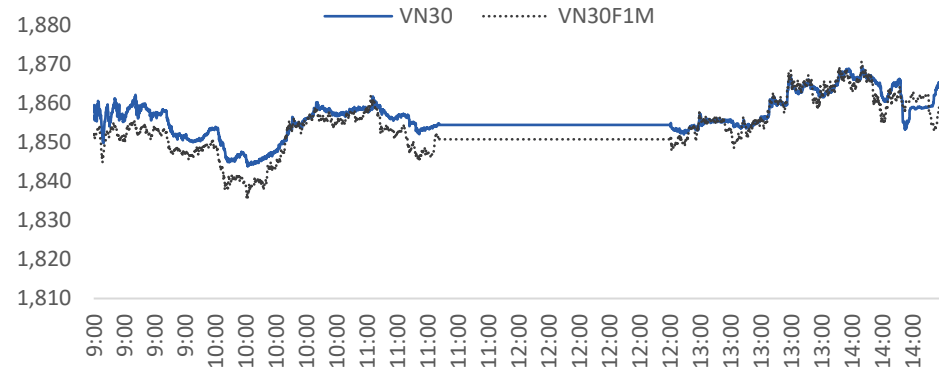
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1859.00	0.30%	371,040	-26.3%	18/09/2025	6
41I1FA000	1827.40	-1.22%	2,516	-8.1%	16/10/2025	34
VN30F2512	1842.00	0.02%	404	-11.6%	18/12/2025	97
41I1G3000	1829.70	0.04%	261	61.11%	19/03/2026	188

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +10.37 điểm, đóng cửa tại 1865.45 điểm. Biên độ dao động 36.92 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MSN, VNM, VIC, VIB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán yếu dần trước phiên sáng khiến VN30 hồi phục và đóng cửa trong sắc xanh. Thanh khoản thị trường tiếp tục nằm dưới MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1FA000, Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVNM2504	9/10/2025	27	237,000	5.38%	62.78	660	57.1%	0.32	66.60	63.20	63.20
CMSN2506	19/09/2025	7	1,779,100	-1.22%	75.56	940	44.6%	1.05	84.96	86.00	86.00
CMSN2406	4/11/2025	53	934,700	3.86%	79.00	1,720	29.3%	1.54	89.32	86.00	86.00
CMSN2508	19/11/2025	68	1,196,700	6.14%	79.78	1,150	29.2%	0.93	91.28	86.00	86.00
CMSN2507	20/10/2025	38	985,000	2.91%	78.00	1,050	26.5%	0.94	88.50	86.00	86.00
CVNM2513	15/12/2025	94	2,383,900	5.44%	60.85	1,200	26.3%	0.95	66.64	63.20	63.20
CMSN2509	19/12/2025	98	965,800	9.42%	82.00	1,210	26.0%	0.90	94.10	86.00	86.00
CVNM2503	26/03/2026	195	344,300	13.19%	66.12	1,130	25.6%	0.73	71.54	63.20	63.20
CMSN2503	27/10/2025	45	3,664,300	1.45%	75.00	2,450	25.0%	2.42	87.25	86.00	86.00
CVNM2516	3/12/2025	82	134,200	10.13%	64.00	700	25.0%	0.32	69.60	63.20	63.20
CMSN2513	14/10/2025	32	1,507,600	0.12%	65.00	4,220	23.0%	4.26	86.10	86.00	86.00
CVNM2512	14/10/2025	32	3,575,700	1.40%	58.92	1,070	23.0%	0.99	64.08	63.20	63.20
CHPG2515	19/12/2025	98	259,900	5.76%	26.83	1,470	22.5%	1.27	31.73	30.00	30.00
CVNM2509	23/02/2026	164	268,700	19.07%	69.54	740	21.3%	0.25	75.25	63.20	63.20
CMSN2517	3/12/2025	82	111,200	14.75%	86.69	1,200	21.2%	0.59	98.69	86.00	86.00
CVNM2515	23/06/2026	284	1,814,100	12.22%	60.00	2,730	20.8%	1.96	70.92	63.20	63.20
CMSN2510	23/02/2026	164	814,200	13.25%	83.40	1,400	20.7%	1.04	97.40	86.00	86.00
CHPG2513	20/10/2025	38	216,300	1.72%	25.72	1,440	20.0%	1.35	30.52	30.00	30.00
CVNM2407	4/11/2025	53	2,164,100	9.11%	65.17	660	20.0%	0.25	68.96	63.20	63.20
CMSN2514	15/12/2025	94	3,515,000	2.85%	68.00	4,090	19.6%	3.88	88.45	86.00	86.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 12/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVNM2504 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 57.14%. CMSN2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.41%.
 - CMBB2507, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CFPT2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2502, CVIC2509, CVHM2408, CVIC2505, CVIC2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	30.00	2.92%	5.30
MSN	86.00	4.88%	4.76
VNM	63.20	3.27%	2.47
VIC	137.80	1.32%	2.43
VIB	21.25	1.19%	0.32

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VPB	31.60	-2.02%	-1.96
SSI	41.90	-1.30%	-0.53
FPT	101.60	-0.39%	-0.51
SHB	17.55	-1.40%	-0.49
SSB	19.65	-2.24%	-0.49

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	137.80	1.32%	1.63	3.88
HPG	30.00	2.92%	1.55	7.68
MSN	86.00	4.88%	1.47	1.52
VNM	63.20	3.27%	1.00	2.09
GVR	29.35	2.09%	0.57	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	35.40	3.51%	0.40	0.48
KSV	153.00	1.32%	0.28	0.20
NTP	65.00	3.34%	0.25	0.17
NVB	15.30	2.00%	0.24	1.17
THD	27.60	3.37%	0.24	0.38

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAT	10.40	7.00%	0.01	0.02
CSM	16.10	6.98%	0.03	2.87
PMG	9.98	6.97%	0.01	0.01
KSB	20.80	6.94%	0.04	6.19
TDC	13.15	6.91%	0.03	1.04

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L40	66.60	9.72%	0.28	0.40
SCI	11.40	9.62%	0.13	0.81
POT	21.70	9.60%	0.16	0.02
KSD	6.10	8.93%	0.03	0.00
CET	6.20	8.77%	0.01	0.04

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	31.60	-2.02%	-1.17	7.93
VHM	105.50	-0.38%	-0.38	4.11
SSB	19.65	-2.24%	-0.29	2.85
SSI	41.90	-1.30%	-0.26	2.08
CTG	50.40	-0.40%	-0.25	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	35.60	-1.39%	-0.19	0.57
DNP	18.80	-7.84%	-0.14	0.14
BAB	14.60	-1.35%	-0.13	0.96
IPA	22.00	-1.35%	-0.04	0.21
LHC	94.60	-2.87%	-0.03	0.01

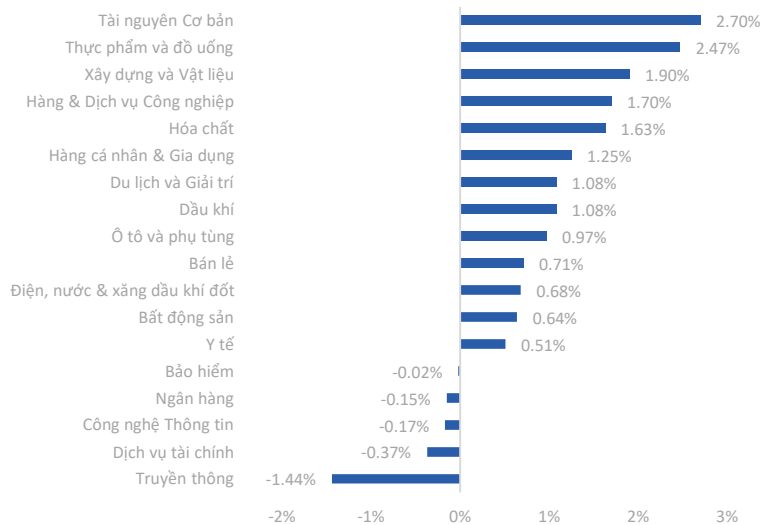
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HSL	13.95	-7.00%	-0.01	0.51
TDW	46.80	-6.96%	-0.01	0.05
FUCTVGF5	11.00	-6.78%	0.00	0.05
SVI	48.95	-6.76%	-0.01	0.00
BTT	40.00	-5.66%	-0.01	0.00

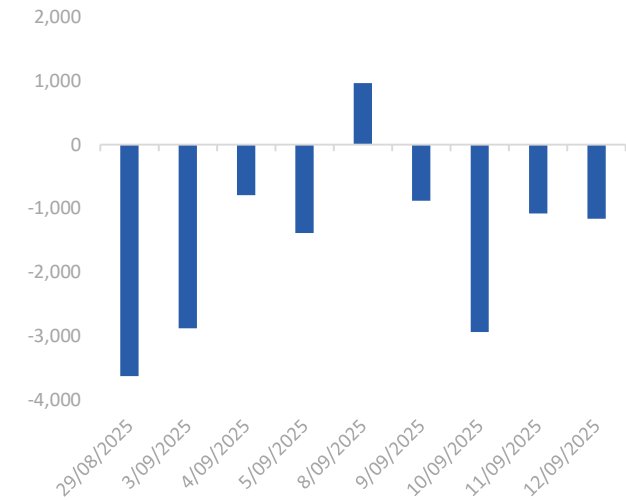
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KST	10.30	-9.65%	-0.02	0.00
SDU	17.10	-9.52%	-0.13	0.00
VE3	7.70	-9.41%	0.00	0.00
DS3	6.30	-8.70%	-0.02	0.01
DNP	18.80	-7.84%	-0.83	0.02

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	79.0	0.3%	1.3	116,502	970.8	3,304	23.9	84,700	47.7%	Link
KBC	Bất động sản	38.9	1.4%	1.8	36,069	297.8	1,835	20.9	-	13.5%	Link
KDH	Bất động sản	34.8	-0.6%	1.2	39,278	117.7	716	48.9	39,900	31.8%	Link
PDR	Bất động sản	23.7	1.1%	1.6	22,928	724.3	177	132.5	28,200	10.7%	Link
VHM	Bất động sản	105.5	-0.4%	1.0	434,975	269.9	6,984	15.2	92,000	10.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	101.6	-0.4%	1.0	173,758	911.8	5,092	20.0	118,700	37.5%	Link
BSR	Dầu khí	27.2	0.7%	0.0	83,713	264.7	(16)		23,200	0.4%	Link
PVS	Dầu khí	35.4	3.5%	1.4	16,346	310.3	2,644	12.9	42,800	10.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.4	0.6%	1.4	29,429	198.4	1,103	24.7		38.1%	
SSI	Dịch vụ tài chính	41.9	-1.3%	1.4	88,123	1464.5	1,574	27.0		40.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	44.3	-0.5%	1.4	32,156	255.4	1,369	32.5		28.0%	
DCM	Hóa chất	38.9	0.8%	1.5	20,408	113.3	3,186	12.1	47,300	6.8%	Link
DGC	Hóa chất	97.5	0.5%	1.2	36,839	192.2	8,175	11.9	109,300	12.8%	Link
ACB	Ngân hàng	26.3	0.4%	0.8	134,580	345.9	3,305	7.9	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	41.0	0.7%	0.8	285,418	136.3	3,683	11.0	49,500	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	50.4	-0.4%	1.0	271,722	414.4	5,608	9.0	53,500	26.4%	Link
HDB	Ngân hàng	31.5	0.0%	1.2	110,094	396.8	4,075	7.7	30,800	17.3%	Link
MBB	Ngân hàng	26.6	-0.4%	1.1	215,068	514.8	3,046	8.8	32,000	22.6%	Link
MSB	Ngân hàng	13.9	2.2%	1.2	42,276	446.1	1,634	8.3	14,000	29.6%	Link
STB	Ngân hàng	55.4	0.0%	1.1	104,441	443.8	6,148	9.0		19.2%	
TCB	Ngân hàng	38.6	-0.3%	1.2	274,238	960.8	3,018	12.8	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.5	-0.8%	1.1	51,914	264.5	2,423	8.1	-	24.8%	Link
VCB	Ngân hàng	65.8	0.2%	0.7	548,968	373.9	4,148	15.8	75,700	21.7%	Link
VIB	Ngân hàng	21.3	1.2%	1.0	71,484	178.2	2,218	9.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	31.6	-2.0%	1.3	255,869	767.5	2,193	14.7	35,600	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	30.0	2.9%	1.1	223,740	3237.2	1,750	16.7	34,300	19.3%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	20.5	2.5%	1.5	12,420	349.3	751	26.6	23,800	10.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.2	-0.9%	1.0	11,315	215.2	4,124	7.1	31,700	4.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	86.0	4.9%	1.4	118,565	1847.3	1,861	44.1	92,700	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.2	3.3%	0.7	127,905	877.7	4,101	14.9	64,500	48.8%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.2	3.31%	1.4	9,589	193.8	2,216	19.7	22.6%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	131.0	1.63%	0.9	21,952	48.4	3,163	40.8	31.0%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	57.7	0.00%	0.9	42,832	18.6	3,278	17.6	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	24.6	2.29%	1.4	15,514	611.5	211	113.5	7.1%	1.8%	
DXG	Bất động sản	24.1	2.34%	1.4	23,944	669.9	350	67.2	25.3%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	35.1	0.00%	1.1	6,260	99.6	482	72.9	6.7%	3.8%	
HDG	Bất động sản	31.7	0.63%	1.3	11,654	86.2	540	58.3	19.8%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	43.2	1.65%	1.2	16,129	48.5	3,977	10.7	16.7%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	41.3	2.10%	1.1	15,557	66.9	1,709	23.6	46.1%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	59.2	1.72%	1.4	14,091	14.1	5,215	11.2	4.0%	28.1%	
SZC	Bất động sản	34.7	2.51%	1.3	6,084	39.1	1,978	17.1	2.6%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	21.7	2.36%	1.4	18,373	141.9	1,104	19.2	10.8%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	137.8	1.32%	1.0	524,010	891.1	3,487	39.0	3.8%	9.6%	
VRE	Bất động sản	30.8	-1.13%	1.2	70,669	81.4	1,937	16.1	17.5%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	40.6	1.63%	0.9	8,449	15.2	1,701	23.5	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	35.6	0.71%	0.9	44,915	62.7	1,661	21.3	16.1%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	23.9	4.60%	1.3	12,702	514.1	1,428	16.0	3.9%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.3	0.40%	1.5	12,872	64.2	1,348	27.6	25.0%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	35.6	-1.39%	1.7	20,677	594.8	1,554	23.2	6.0%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.5	0.81%	0.9	149,603	34.9	5,002	12.4	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.5	1.98%	0.9	35,479	258.8	636	23.8	2.6%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.8	0.60%	0.9	35,966	47.2	4,417	15.0	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	146.0	0.41%	0.9	86,020	339.2	3,427	42.4	7.3%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.0	3.97%	1.5	47,737	1049.1	1,736	30.5	6.7%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69.2	0.44%	1.1	28,951	149.6	3,826	18.0	41.7%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.8	0.00%	1.3	9,591	87.1	5,700	10.0	6.3%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.1	1.40%	1.1	8,388	52.6	2,306	7.7	7.9%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	100.5	1.82%	0.0	12,020	29.4	3,317	29.8	4.5%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.0	2.09%	0.9	29,127	67.4	6,115	14.1	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.1	0.33%	0.9	3,361	52.5	2,693	11.1	49.7%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.9	4.50%	1.3	2,452	26.7	2,841	7.0	16.5%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.7	1.52%	1.4	17,848	54.4	957	27.4	7.4%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.4	2.09%	1.8	115,000	66.3	1,331	21.6	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	27.2	0.74%	0.9	50,293	593.5	1,783	15.1	5.4%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	44.1	0.23%	1.0	131,440	114.3	3,324	13.2	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.5	1.31%	0.0	26,250	25.2	2,260	6.8	1.6%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	13.1	0.38%	1.0	34,753	45.0	1,130	11.6	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	19.6	2.35%	1.4	8,571	463.6	666	28.8	7.2%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.6	0.88%	1.7	7,535	114.5	1,871	15.1	2.7%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.1	-0.73%	0.7	10,443	191.4	1,981	17.3	3.1%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.7	0.54%	0.9	59,511	56.7	3,185	14.6	58.6%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	60.1	0.67%	1.2	13,400	152.4	6,444	9.3	20.1%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	150.8	-0.46%	0.7	12,402	9.3	13,894	10.9	85.4%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	76.6	1.19%	1.1	7,678	31.7	4,512	16.8	46.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	89.1	1.95%	1.1	9,997	38.4	4,930	17.7	6.0%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.3	0.68%	1.2	4,430	45.5	2,518	17.5	2.5%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.2	4.12%	1.7	7,238	200.7	1,077	13.5	10.1%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.8	1.90%	1.3	9,406	69.3	1,189	22.1	14.6%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	27.0	4.66%	1.3	16,647	701.4	1,195	21.5	8.6%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	58.1	2.11%	1.3	25,511	46.2	3,343	17.0	6.0%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
3	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
11	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
12	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
13	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>